TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/HS-ST
Ngày 29 - 01 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Tuyết Thanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Sòi
Ông Phan Văn Sân
- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Khắc Huân - Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Khánh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, Tòa án nhân dân huyện Tam Đường xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2019/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Chang A C**; tên gọi khác: Chang A C1; Giới tính: Nam; sinh năm: 1974. Tại: T, Lai Châu.

Nơi ĐKHKTT: Bản T, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Chang A K (Đã chết) và con bà: Vàng Thị G (Đã chết); Gia đình bị cáo có 03 anh, em; bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo có 03 vợ: Lầu Thị S, Sinh năm: 1975, sống cùng nhau từ năm 1994 đến năm 2008 thì S bỏ đi Trung Quốc, không đăng ký kết hôn. Ma Thị C sinh năm 1979, sống cùng nhau năm 2008 thì C bỏ đi Trung Quốc, không đăng ký kết hôn. Giàng Thị M, Sinh năm: 1987, sống cùng nhau từ năm 2017 đến nay; Bị cáo có 03 người con: con lớn sinh năm 1998, con thứ hai đã chết, con thứ ba sinh năm 2018; Tiền án: Tại bản án số 37/2011/HSST ngày 29/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt Chang A C 07 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đến ngày 10/4/2017, C chấp hành xong án về địa phương. Hiện bị cáo chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 15/10/2018 đến ngày 21/10/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Giao bị cáo cho UBND xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu quản lý, theo dõi cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 20 giờ ngày 11/10/2018 Chang A C (tên gọi khác Chang A C1) sinh năm 1974, trú tại Bản T, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu gọi điện cho một người đàn ông dân tộc Dao tên L (C không biết họ và địa chỉ cụ thể) nhà ở xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai hỏi mua Thuốc phiện, L đồng ý bán. Đến khoảng 5 giờ ngày 12/10/2018, Cau cầm theo 600.000 đồng đi nhờ xe mô tô của một người không quen biết ra thị trấn T, sau đó tiếp tục đi ô tô khách đến thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Đến nơi C gọi điện thông báo cho L biết, L nghe điện thoại và hướng dẫn C đi đến điểm hẹn. Nghe xong C thuê một người (C không quen biết) làm nghề chạy xe ôm chở mình đi gặp L, trên đường đi thì gặp L đang đứng đợi ở ngoài đường nên C bảo người điều khiển xe ôm đỗ lại, còn C đi bộ khoảng 10m đến gặp L. Qua trao đổi C mua được của L 01 gói Thuốc phiện được gói ngoài bằng nilon màu trắng với giá 330.000 đồng. Sau đó, C cất gói thuốc phiện vào túi quần rồi đi ô tô khách về huyện T rồi đi bộ về nhà. Về đến nhà C lấy gói Thuốc phiện vừa mua được ra chia thành 04 gói, trong đó 02 gói được gói bằng nilon màu trắng cất dấu dưới giường trong phòng ngủ cạnh phòng ngủ của vợ chồng C và 02 gói còn lại được gói bằng nilon màu xanh cất giấu lên trên xà nhà trong phòng để đồ của nhà mình để sử dụng cho bản thân.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 14/10/2018 do lên cơn nghiện chất ma túy và biết vợ con đã ngủ nên C sang phòng ngủ bên cạnh lấy bộ bàn đèn và 02 gói Thuốc phiện màu trắng ra đặt lên giường pha chế để sử dụng. Khi C đang chuẩn bị sử dụng thì bị Công an huyện T cùng Công an xã K phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng gồm có 02 gói thuốc phiện được gói bằng nilon màu trắng và 01 bộ bàn đèn tự tạo dùng để hút thuốc phiện trong đó có tẩu hút, đèn, chày giã, kim sắt, chén sứ. Sau đó, C tự giác lấy từ xà nhà trong phòng để đồ xuống 02 gói thuốc phiện được gói ngoài bằng mảnh nilon màu xanh xuống giao nộp.

Tại bản kết luận giám định số 415/GĐ - KTHS ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lai Châu kết luận: *"Căn cứ biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng lập hồi 07 giờ 30 phút ngày 15/10/2018 tại Công an huyện T, tỉnh Lai Châu: Vật chứng thu giữ (gồm 04 mẫu) của Chang A C có khối lượng lần lượt là Mẫu 1=1,02 gam (một phẩy không hai gam); Mẫu 2 = 2,1gam (hai phẩy một gam); Mẫu 3=3,09 gam (ba phẩy không chín gam); Mẫu 4 =1,52 gam (một phẩy năm mươi hai gam) Đã trừ bì. Tổng khối lượng 04 gói vật chứng thu giữ của Chang A C có khối lượng là 7,73 gam (Bảy phẩy bảy ba gam). Bốn (04) mẫu chất nhựa dẻo màu nâu đen (được ký hiệu mẫu 1, mẫu 2, mẫu 3, mẫu 4) gửi đến giám định là ma túy, loại: Thuốc phiện"*

Bản cáo trạng số 02/CT - VKSTĐ ngày 16/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Chang A C về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận điều tra và bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo C từ 18 đến 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", khấu trừ 07 ngày tạm giữ. Áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo C không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường

Tại lời nói sau cùng bị cáo Chang A C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo bị bệnh khó thở, các con bị cáo còn nhỏ để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 14 tháng 10 năm 2018, tại nhà ở của mình thuộc bản T, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu, Chang A C (tên gọi khác Chang A C1) có hành vi tàng trữ trái phép 04 gói thuốc phiện có tổng khối lượng 7,73 gam nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân. Khi C đang pha chế thuốc phiện để sử dụng thì bị Cơ quan Công an huyện T cùng Công an xã K phát hiện bắt quả tang và thu giữ cùng vật chứng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng mà Cơ quan điều tra thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo Chang A C là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma tuý của Nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Ý thức được điều đó nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của bị cáo Chang A C đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điểm b, Khoản 1, Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy… , thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam.

Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo là người nghiện chất ma túy, bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án, ngày 29/6/2011 tại bản án số 37/2011/HSST của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 07 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện chưa được xóa án tích. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp tái phạm nên cần phải áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

6,28 gam thuốc phiện còn lại sau giám định, 01 bộ bàn đèn tự tạo để hút thuốc phiện gồm: một ống tre rỗng, hai đầu dài 29 cm, đường kính 04 cm; một chày gỗ dài 17 cm, đường kính đầu trên 01 cm, đường kính phía dưới là 1,5 cm; một thanh kim loại nhọn một đầu, một đầu bẹt dài 19 cm; một chén sứ màu xanh đã cũ, chén cao 04 cm, miệng rộng 04 cm; một đèn tự chế. Hội đồng xét xử xét thấy là vật Nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu PHILIP E103 màu đen, đã qua sử dụng, IMEI 1: 865656024799044, IMEI 2: 865656024899042, bên trong máy có gắn 02 sim điện thoại (01 sim vinaphone SĐT: 0837493026, 01 sim viettel SĐT: 0333950931). Hội đồng xét xử xét thấy không chứng minh được bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội cần trả lại cho bị cáo Chang A C.

[6] Những vấn đề liên quan:

Theo lời khai của bị cáo Chang A C người đàn ông dân tộc Dao tên là L, khoảng 30 tuổi nhà ở xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai đã liên lạc và bán Thuốc phiện cho C. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại xã D nhưng không có ai có đặc điểm và nhà ở giống như C miêu tả và xác minh tại Trung tâm viễn

thông Vinaphone và Viettel huyện T không xác định được chủ thuê bao nên không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với Giàng Thị M (là vợ của bị cáo) quá trình C cất giấu và sử dụng Thuốc phiên tại nhà nhưng M không biết nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Chang A C phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"*

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Chang A C 18 (Mười tám) tháng tù, trừ 07 (Bảy) ngày bị cáo bị tam giữ, còn lại bị cáo phải chấp hành 17 (Mười bảy) tháng 23 (Hai mươi ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt tù.

3. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng điểm a, c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 6,28 gam thuốc phiện còn lại sau giám định, 01 bộ bàn đèn tự tạo để hút thuốc phiện gồm: một ống tre rỗng, hai đầu dài 29 cm, đường kính 04 cm; một chày gỗ dài 17 cm, đường kính đầu trên 01 cm, đường kính phía dưới là 1,5 cm; một thanh kim loại nhọn một đầu, một đầu bẹt dài 19 cm; một chén sứ màu xanh đã cũ, chén cao 04 cm, miệng rộng 04 cm; một đèn tự chế.

Trả lại cho bị cáo Chang A C: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu PHILIP E103 màu đen, đã qua sử dụng, IMEI 1: 865656024799044, IMEI 2: 865656024899042, bên trong máy có gắn 02 sim điện thoại (01 sim vinaphone SĐT: 0837493026, 01 sim viettel SĐT: 0333950931).

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 17/01/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đường với Chi Cục thi hành án dân sự huyện T).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Dương Thị Tuyết Thanh

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- Chi Cục THADS huyện Tam Đường;
- Công an huyện Tam Đường;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Dương Thị Tuyết Thanh

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên HĐXX **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**